

# NHẬN XÉT VỀ THANH ĐIỀU TRONG THỔ NGỮ AREM<sup>\*)</sup>

(qua tư liệu nghiên cứu điền dã)

TRẦN TRÍ DỜI

Trong một vài nghiên cứu về ngữ âm thổ ngữ Arem được giới thiệu gần đây, người ta có xu cho rằng thổ ngữ này là một thổ ngữ duy nhất của nhóm Việt Mường chưa có thanh điệu. hạn, năm 1986 chúng tôi vẫn chủ trương "Riêng thổ ngữ Arem chúng ta chưa thể xác lập được đối lập về thanh điệu" [6; 17]. Hoặc như Đoàn Văn Phúc mặc dù nói tới một sự "phát âm với ao" và một sự "phát âm với giọng thấp" có giá trị âm vị học vẫn quan niệm "đây là một hiện ngôn điệu bao trùm lên toàn bộ âm tiết" [7; 51]. Tuy nhiên với tư liệu điền dã mới thu thập húng tôi thấy cần phải bổ sung cho nhận xét trước đây của mình.

Đề ghi nhận một ngôn ngữ có thanh điệu hay không, thông thường người ta căn cứ vào sự ich nét khác biệt về âm vực, về đường nét hoặc kết hợp cả hai nét trên có giá trị khu biệt hay Khi xem xét nguồn gốc thanh điệu của một số ngôn ngữ đơn tiết ở Đông Nam Á các tác giả đã rằng nét khác biệt về âm vực thường là hệ quả của sự lẫn lộn tính thanh của các âm đầu tắc, khác biệt về đường nét là do kết quả của sự chuyển đổi / biến mất của những yếu tố chiết trong âm tiết [3].

Trong bài báo giới thiệu về ngữ âm Arem của Đoàn Văn Phúc, tác giả này đã ghi nhận một sự ệt về âm vực, nhưng lại xem nét đối lập này là *nét rừm* của sự đối lập dài - ngắn của nguyên úng tôi cũng đồng ý cho rằng nếu chỉ có một nét đối lập lưỡng phân về âm vực, hoàn toàn ù điều kiện để nói tới một hệ thống thanh điệu. Chúng ta biết rằng có một vài ngôn ngữ (của Môn - Khmer) có sự đối lập của hai âm vực cao và thấp nhưng chúng vẫn chưa được gọi là ngôn ngữ có thanh điệu. Chẳng hạn trong tiếng Khmer có sự đối lập của nét cao / thấp vốn sự đối lập của các âm đầu vô thanh và hữu thanh. Sự lẫn lộn hai dãy âm đầu tắc này tạo nên sự ệt về âm vực và được xử lý thông qua nét dài / ngắn của nguyên âm [4].

Trong dịp khảo sát tiếng Arem tháng 7/1989 bằng *thính giác* trên những từ rời chúng tôi nhậ ược một sự đối lập của một hệ thống thanh điệu. Theo chúng tôi có thể ghi nhận sự đối lập này u:

1. Trước hết có thể nhận biết nét khu biệt của các thanh do hướng đi hay đường nét của thanh ự đối lập này thực chất là sự đối lập giữa một thanh A có hướng đi bằng phẳng và một thanh ường đi không bằng phẳng và là đối lập quan trọng nhất để tạo nên hệ thống thanh điệu. Vì

**A. Thanh bằng phẳng**

kăleng	"vai"
?mbung	"chồi cây"
klung	"mỡ"
kum	"nướng"
lăke	"gà"

**B. Thanh không bằng phẳng**

kălêng	"diều hâu"
?mbúng	"vùng nước"
klúng	"nhúng"
klụng	"vực nước"
kúm	"nóng"
ăké	"cá"

Khi tiếp xúc với những từ nói trên rất dễ nhận thấy những từ ở cột bên trái có đường âm bằng phẳng, ngược lại, các từ bên phải có đường nét phát âm không bằng theo hướng có nhau giữa giai đoạn bắt đầu và giai đoạn kết thúc; nét uốn giọng đó không chỉ đơn thuần là biệt cao thấp vốn do âm vực tạo ra mà là sự khác biệt của hướng đi lên hay xuống.

3.2. Các từ có đường nét phát âm không bằng phẳng, do có một đối lập sẵn có về âm vực lập này là kết quả của sự lẫn lộn tính thanh của phụ âm và thể hiện ở sự cao / thấp nguyên âm lập tức được phân thành hai nhóm: nhóm B<sub>3</sub> có đường nét không bằng cao theo hướng từ cao và B<sub>4</sub> có đường nét không bằng thấp theo hướng từ cao xuống thấp. Chúng ta có tương ứng lên và xuống. Ví dụ:

**B<sub>3</sub> thanh lên**

klúng	"nhúng"
cí	"chấy"
rống	"sống lưng"
piế	"bỏ"
kujứ	"moi"

**B<sub>4</sub> thanh xuống**

klụng	"vực nước"
cị	"chị"
rộng	"rộng, rộng rãi"
?mpiế	"bùn, lầy"
kujư	"lợn"

3.3. Do áp lực của sự đối lập giữa các thanh lên và xuống đã được hình thành, như đường nét bằng phẳng vốn sẵn có sự đối lập cao, thấp ở nguyên âm bị phân hóa thành hai thanh **bằng cao** và **A<sub>2</sub> bằng thấp**. Sự phân hóa này là phản ứng kéo theo nên nó khá mờ nhạt trong ngữ. Ví dụ:

**A<sub>1</sub> thanh bằng cao**

cem	"giảm"
kothem	"cm"
cung	"thấy"

**A<sub>2</sub> thanh bằng thấp**

sêm	"thèm ăn"
tloj	"trời"
kocừng	"giường"

Như vậy có thể nói tới một thể ngữ Arem có 4 thanh là các thanh: 1 - thanh *bằng cao*, không dấu gì trong âm tiết; 2 - thanh *bằng thấp*, được ghi bằng dấu ' trên âm tiết; 3 - thanh *lên*, được ghi bằng dấu ' trên âm tiết; 4 - thanh *xuống*, ký hiệu bằng dấu . dưới âm tiết.

Các thanh điệu nói trên được xác định trong một hệ thống âm cuối như sau: a) âm cuối trong các âm cuối tắc p, t, c, k chỉ hiện diện thanh không bằng là *lên / xuống*; c) ở những âm m, n, nh, ng và các âm sát w, j, l, lh (s) có mặt cả 4 thanh được xác lập; d) riêng âm cuối h không thấy chỉ xuất hiện thanh bằng. Tình hình trên cho phép chúng ta nghĩ về cách giải thích các thanh *lên / xuống* xuất hiện là do thể ngữ này *đã không còn lưu giữ âm cuối tắc* \* [2]. Trong nhiều trường hợp sự chuyển đổi này chưa xảy ra hoàn toàn trọn vẹn. Bằng thính giác có thể ghi nước đôi các từ *ci? / ci* "chấy", *ăvăl / ăvăl* "xoáy"... Có lẽ điều này cũng có thể giải thích được: Theo kết quả mà Hoàng Cao Cương thông báo ngay tiếng Việt - một ngôn ngữ có hệ thống thanh điệu không còn phải tranh cãi - "những "lỗi" chiết đoạn trong quá trình tiến hóa của hệ thống thanh điệu Việt tới siêu đoạn vẫn còn được bảo lưu, mặc dù với mức độ thấp hơn." [8; 32].

Với 4 thanh điệu nói trên, thể ngữ Arem đã xử lý những từ vay mượn Việt vốn là một ngôn ngữ có 4 thanh như sau: a) Đối với các từ Việt có thanh *ngang* và *huyền* thể ngữ Arem vay mượn những thanh *bằng phẳng* (thanh A<sub>1</sub>, A<sub>2</sub>) trong đó thanh *huyền* khi thì được xử lý cao, khi thì thấp không nhất quán; b) còn các thanh *sắc, nặng, hỏi, ngã* của Việt được chuyển thành các thanh *bằng phẳng* (thanh B<sub>3</sub>, B<sub>4</sub>) và cũng có tình trạng lẫn lộn âm vực vốn có của tiếng Việt.

Quan sát hệ thống thanh điệu thể ngữ Arem, chúng tôi có ấn tượng đây là một thể ngữ đang ở tình hình hình thành thanh điệu. Điều này thể hiện ở chỗ nó mới chỉ chuyển yếu tố chiết đoạn thành yếu tố biên đoạn mà chưa đụng chạm đến các yếu tố sát họng và sự chuyển đổi này đang tình trạng tranh chấp từng từ một. Do vậy nét đối lập rõ nhất - đầy đủ nhất - là nét bằng và nét xuống. Đồng thời kết quả chuyển đổi yếu tố chiết đoạn tắc họng ngay lập tức chịu ảnh hưởng của âm vực sẵn có làm thành thanh cao và thấp. Rõ ràng sự tiến hóa của yếu tố chiết đoạn là một quá trình. Trong khi việc xác lập âm vực lại xảy ra nhất loạt mặc dù chúng ta tiếp theo cùng lúc.

Như một kiểu biến đổi như tiếng Việt, và xa hơn nữa là tiếng Hán cổ, tiếng Thái v.v... hình thức hình thành thanh điệu của thể ngữ Arem cho ta một ví dụ thú vị để quan sát cơ chế biến đổi về sự không thống nhất về số lượng thanh điệu, chẳng hạn giữa các phương ngữ Việt theo xu hướng của giáo sư Hoàng Thị Châu nêu ra [9] có thể được giải thích theo hướng cho sự trùng hợp này xảy ra trong quá trình hình thành.

Tháng 9/1988 - 5/1989

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. H. Maspéro, *Nghiên cứu ngữ âm lịch sử tiếng Việt. Những phụ âm đầu*, BEFEO, 19 tập 12, số 1 (bản dịch).
2. G. G. Haudricourt, *De l'origine de tons en Vietnamien*, JA, 1954. tr. 69-82.
3. A. G. Haudricourt, *Bipartition et tripartition des systèmes de tons dans quelques langues d'Extrême orient*, BSLP, tập 56, 1961, tr. 163-180
4. M. Ferlus, *Formation des registres et mutations consonantiques dans les Langues Mon-Khmer*, Mon-Khmer studies, VIII, 1979, tr. 1-76.
5. Nguyễn Tài Cần, *Nguồn gốc và quá trình hình thành cách đọc Hán Việt*, KHXH, H. 1979.
6. Trần Trí Dõi, *Những vấn đề từ vựng và ngữ âm tiếng Chứt góp phần nghiên cứu ngữ âm lịch sử tiếng Việt*, tóm tắt luận án PTS, H. 1986.
7. Đoàn Văn Phúc, *Hệ thống ngữ âm tiếng AREM, Những vấn đề ngôn ngữ học về các ngôn ngữ Phương Đông*, H. 1986, tr. 47-53.
8. Hoàng Cao Cương, *Suy nghĩ thêm về thanh điệu tiếng Việt*, Ngôn ngữ, số 3/1986, 19-38.
8. Hoàng Thị Châu, *Hệ thống thanh điệu tiếng Chăm và cách kí hiệu*, Ngôn ngữ, 2/1987, tr. 31-35.
10. Nguyễn Phú Phong, Trần Trí Dõi, M. Ferlus, *Lexique Vietnamien Rục - Francaise*, Université de Paris VII, 1988.

## CHÚ THÍCH

<sup>1)</sup> Arem là tên gọi một tộc người (minorité ethnique) thuộc nhóm ngôn ngữ Việt - Mường chỉ Môn - Khmer. Họ Nam Á. Tộc người này hiện cư trú ở vùng núi huyện Bắc Trà (Quảng Bình). Địa bàn cư trú của nhóm này là địa bàn cư trú cực nam của những cư dân thuộc các tộc người nói tiếng Việt - Mường (trừ người Việt) và gần gũi với các nhánh phía bắc của các chi Môn - Khmer khác như Katu, Bahnar. Hiện nay chỉ còn lại 61 người nói tiếng này (so với hơn 70 người năm 1985) [10; 8].

Bài viết này dựa trên tư liệu nghiên cứu điền dã tháng 7 năm 1988 (cùng với Hoàng Dũng, DHSP Huế) sau các lần nghiên cứu 1981 của tác giả và 1985 (cùng với Nguyễn Phú Phong, CNRS - CRAO - Université de Paris VII, Pháp).